TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số : 337/2017/DS-ST
Ngày : 15/8/2017
V/v : Tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh Minh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đặng Ngọc Trình
2. Bà Cao Ngọc Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngon – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 294/2016/TLST-DS, ngày 14 tháng 10 năm 2016, về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2017/QĐXXST-DS ngày 11/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2017/QĐST-DS ngày 28/7/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty tài chính A
Trụ sở: Số 473 đường I, phường K, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Minh T, thường trú tại: xã R, huyện T, tỉnh Bình Định, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền số 3422235762/2016GUQ ngày 25/5/2016)
(Đương sự vắng mặt)
- *Bị đơn:* Bà Đoàn Hương D, sinh năm: 1992
Nơi cư trú: Số 279 đường N, Phường M, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 25/5/2016 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ ông Đặng Minh T đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/6/2014 bà Đoàn Hương D có ký hợp đồng tín dụng với Công ty tài chính A (Sau đây gọi là Công ty) có số hợp đồng 3422235762, theo đó Công ty cho bà D vay số tiền 11.676.000đ (Mười một triệu sáu trăm bảy mươi sáu ngàn đồng) để tiêu dùng cá nhân. Thời hạn vay 12 tháng. Thanh toán bằng hình thức trả góp mỗi tháng với số tiền góp mỗi tháng là 1.458.000đ (Một triệu bốn trăm năm mươi tám ngàn đồng). Lãi suất vay: 6,68%/tháng. Thực hiện hợp đồng bà D đã thanh toán cho Công ty được tổng số tiền 5.832.000đ (Năm triệu tám trăm ba mươi

hai ngàn đồng). Tuy nhiên, kể từ ngày 21/10/2014 đến nay, bà D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty. Do bà D vi phạm hợp đồng nên Công ty khởi kiện yêu cầu bà D:

- Thanh toán các khoản tiền góp còn lại của hợp đồng là 11.664.000đ (Mười một triệu sáu trăm sáu mươi bốn ngàn đồng) bao gồm tiền vốn là 8.679.763 đồng và tiền lãi là 2.984.237 đồng.

- Thanh toán khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng theo Điều 6.2 (iii) của Hợp đồng tín dụng trả góp đã ký là 650.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bà D phải thanh toán cho Công ty là 12.314.000đ (Mười hai triệu ba trăm mười bốn ngàn đồng). Thanh toán ngay một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Công ty không yêu cầu tính lãi đối với khoản nợ trên do phát sinh từ hợp đồng cho đến khi Tòa án mở phiên tòa xét xử cũng như từ khi mở phiên tòa xét xử cho đến khi Công ty có đơn yêu cầu thi hành án. Về lãi suất phát sinh trong trường hợp bà D chậm trả tiền khi Công ty có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty yêu cầu được tính theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Đoàn Hương D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi được lời khai, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và xét xử Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng dân sự, về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Đoàn Hương D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để hòa giải mà vẫn cố tình vắng mặt. Do vậy, theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Bà D đã được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà D theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Công ty tài chính A có người đại diện theo ủy quyền là ông Đặng Minh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét thấy đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng, do bị đơn là bà Đoàn Hương D có nơi cư trú tại Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại Điều 26, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Công ty tài chính A yêu cầu bà Đoàn Hương D có trách nhiệm thanh toán số nợ với số tiền tổng cộng là 12.314.000đ (Mười hai triệu ba trăm mười bốn ngàn đồng), trong đó gồm:

- Tiền nợ vốn gốc là 8.679.763đ (Tám triệu sáu trăm bảy mươi chín ngàn bảy trăm sáu mươi ba đồng) và tiền lãi là 2.984.237đ (Hai triệu chín trăm tám mươi tư ngàn hai trăm ba mươi bảy đồng).

- Phạt do vi phạm hợp đồng là 650.000đ (Sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

Xét bà D đã vay tiền Công ty theo hợp đồng tín dụng số 3422235762 ngày 12/6/2014 nhưng vi phạm hợp đồng, không trả vốn lãi theo thỏa thuận nên Công ty khởi kiện đòi số tiền còn nợ là 12.314.000đ (Mười hai triệu ba trăm mười bốn ngàn đồng), bao gồm nợ vốn gốc: 8.679.763 đồng; Lãi: 2.984.237 đồng; Phạt do vi phạm hợp đồng: 650.000 đồng, là có căn cứ cần chấp nhận giải quyết vì phù hợp với Điều 422, Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 3 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Công ty không yêu cầu tính lãi đối với khoản nợ trên do phát sinh từ hợp đồng cho đến khi Tòa án mở phiên tòa xét xử cũng như từ khi mở phiên tòa xét xử cho đến khi Công ty có đơn yêu cầu thi hành án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về lãi suất phát sinh trong trường hợp bà D chậm trả tiền khi Công ty có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty yêu cầu được tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Xét yêu cầu này của Công ty là không trái với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

3. Về án phí:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 615.700đ (Sáu trăm mười lăm ngàn bảy trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 422, 471 và 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 3 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 207, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 12 về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu đòi nợ của Công ty tài chính A có ông Đặng Minh T làm đại diện.

Buộc bà Đoàn Hương D trả cho Công ty tài chính A số tiền nợ là 12.314.000đ (Mười hai triệu ba trăm mười bốn ngàn đồng), trong đó gồm:

- Tiền nợ gốc là 8.679.763đ (Tám triệu sáu trăm bảy mươi chín ngàn bảy trăm sáu mươi ba đồng) và tiền lãi là 2.984.237đ (Hai triệu chín trăm tám mươi tư ngàn hai trăm ba mươi bảy đồng).

- Phạt do vi phạm hợp đồng là 650.000đ (Sáu trăm năm mươi ngàn đồng)

Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty tài chính A cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đoàn Hương D phải chịu là 615.700đ (Sáu trăm mười lăm ngàn bảy trăm đồng).

Công ty tài chính A không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 291.600đ (Hai trăm chín mươi mốt ngàn sáu trăm đồng) theo biên lai thu số 0001986 ngày 06/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Công ty tài chính A và bà Đoàn Hương D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày bản án được giao cho Công ty và bà D hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Ngọc Ánh Minh